**Phụ lục V**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS TT TRÂU QUỲ** |  |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN HỌC: Giáo dục công dân, KHỐI LỚP: 6**

(Năm học 2021 - 2022)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KÌ** | **SỐ TUẦN** | **SỐ TIẾT/TUẦN** | **SỐ ĐẦU ĐIỂM TỐI THIỂU** | | |
| **KTTX** | **GK** | **CK** |
| **I** | **18** | **18 tuần x 1 tiết = 18 tiết** | **2** | **1** | **1** |
| **II** | **17** | **17 tuần x 1 tiết = 17 tiết** | **2** | **1** | **1** |

**HỌC KỲ 1**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **TT tiết dạy** | **Phân môn** | **Bài** | **Nội dung** | **Ghi chú** |
| **1** | **1** | GDCD | Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ | Trình bày được một số truyền thống gia đình, dòng họ. Lấy ví dụ về truyền thống nơi em sinh sống. |  |
| **2** | **2** | GDCD | Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ (tiếp) | Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. |  |
| **3** | **3** | GDCD | Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ (tiếp) | Thực hiện giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ. |  |
| **4** | **4** | GDCD | Bài 2: Yêu thương con người | Nêu được khái niệm, biểu hiện và giá trị của tình yêu thương con người. Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người. |  |
| **5** | **5** | GDCD | Bài 2: Yêu thương con người (tiếp) | Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình thương yêu của người khác; phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người. những biểu hiện trái với tình yêu thương con người. |  |
| **6** | **6** | GDCD | Bài 3: Siêng năng, kiên trì | Nêu được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa của siêng năng, kiên trì. Thực hiện siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày. |  |
| **7** | **7** | GDCD | Bài 3: Siêng năng, kiên trì (tiếp) | Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động. Quý trọng những người siêng năng kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng hay nản lòng để khắc phục hạn chế này. |  |
| **8** | **8** | GDCD | Kiểm tra giữa học kì I | Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học về: truyền thống gia đình, dòng họ; Yêu thương con người; Siêng năng, kiên trì. Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. |  |
| **9** | **9** | GDCD | Bài 4: Tôn trọng sự thật | Nêu được một số biểu hiện của việc tôn trọng sự thật. Giải thích được vì sao phải tôn trọng sự thật. |  |
| **10** | **10** | GDCD | Bài 4: Tôn trọng sự thật (tiếp) | Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật. |  |
| **11** | **11** | GDCD | Bài 4: Tôn trọng sự thật (tiếp) | Biết vận dụng những điều đã học vào thực tiễn. Biết quý trọng những người nói đúng sự thật. |  |
| **12** | **12** | GDCD | Bài 5: Tự lập | Nêu được khái niệm tự lập; biểu hiện của người có tính tự lập |  |
| **13** | **13** | GDCD | Bài 5: Tự lập (tiếp) | Giải thích được vì sao phải tự lập. Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác. |  |
| **14** | **14** | GDCD | Bài 5: Tự lập (tiếp) | Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác. |  |
| **15** | **15** | GDCD | Bài 6: Tự nhận thức bản thân | Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân; biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân. |  |
| **16** | **16** | GDCD | Bài 6: Tự nhận thức bản thân (tiếp) | Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân. Biết tôn trọng bản thân, xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân. |  |
| **17** | **17** | GDCD | Kiểm tra học kì I | Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. |  |
| **18** | **18** | GDCD | Bài 6: Tự nhận thức bản thân (tiếp) | Thực hành thể hiện điểm mạnh của bản thân. |  |

**HỌC KỲ 2**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **TT tiết dạy** | **Phân môn** | **Bài** | **Nội dung** | **Ghi chú** |
| **19** | **19** | GDCD | Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm | Nêu được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em. |  |
| **20** | **20** | GDCD | Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm (tiếp) | Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm. |  |
| **21** | **21** | GDCD | Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm (tiếp) | Biết được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để bảo đảm an toàn. |  |
| **22** | **22** | GDCD | Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm (tiếp) | Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để bảo đảm an toàn. |  |
| **23** | **23** | GDCD | Bài 8: Tiết kiệm | Nêu được khái niệm và biểu hiện của tiết kiệm (tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước...); hiểu vì sao phải tiết kiệm. |  |
| **24** | **24** | GDCD | Bài 8: Tiết kiệm (tiếp) | Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập. |  |
| **25** | **25** | GDCD | Bài 8: Tiết kiệm (tiếp) | Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh, phê phán những biểu hiện lãng phí. |  |
| **26** | **26** | GDCD | Kiểm tra giữa học kì II | Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học về các tình huống nguy hiểm và sự tiết kiệm. Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống khi đứng trước các tình huống nguy hiểm, biết thực hành tiết kiệm. Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. |  |
| **27** | **27** | GDCD | Bài 9: Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | Nêu được khái niệm công dân. Nêu 1 số công việc mà người công dân phải thực hiện theo quy định của pháp luật. |  |
| **28** | **28** | GDCD | Bài 9: Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (tiếp) | Căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tự hào là công dân Việt Nam. |  |
| **29** | **29** | GDCD | Bài 10: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân | Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ công dân. |  |
| **30** | **30** | GDCD | Bài 10: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (tiếp) | Thực hiện được quyền và nghĩa vụ công dân phù hợp với lứa tuổi. |  |
| **31** | **31** | GDCD | Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em | Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em. Lấy ví dụ mỗi quyền. |  |
| **32** | **32** | GDCD | Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em (tiếp) | Nêu được ý nghĩa của quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em. |  |
| **33** | **33** | GDCD | Kiểm tra học kì II | Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. |  |
| **34** | **34** | GDCD | Bài 12: Thực hiện quyền trẻ em | Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em. Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em. |  |
| **35** | **35** | GDCD | Bài 12: Thực hiện quyền trẻ em (tiếp) | Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em. Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng; bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt quyền trẻ em. |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Trâu Quỳ, ngày 01 tháng 09 năm 2021* |
| **NGƯỜI LẬP KHDH**  **Lê Thị Tuyết Mai** | **TM BAN GIÁM HIỆU DUYỆT** |